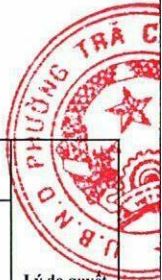


ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG TRÀ CẦU



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC
DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ CHI TRẢ CHO NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 154/2025/NĐ-CP NGÀY 15/6/2025 CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2025 - ĐỢT 2
(Kèm theo Công văn số 315 /UBND ngày 08/9/2025 của Ủy ban nhân dân phường Trà Cầu)



STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức vụ, chức danh/đơn vị bắt đầu tham gia công tác	Chức vụ, chức danh/đơn vị hiện đang đảm nhiệm	Mức phụ cấp hiện hưởng (theo NQ 30/2023/NQ-HPND (lần mức lương cơ sở/người/t hàng)	Trong đó		Tiền lương tháng liền kề của chức danh CBCC cấp xã do sắp xếp ĐVHC cấp xã gd 2023-2025 trước khi được bổ trí sang làm NHDK CT ở cấp xã (nếu có)	Thời điểm bắt đầu tham gia công tác	Thời điểm nghỉ hưởng chế độ theo ND 154	Thời gian công tác			Số năm nghỉ trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu	Kinh phí thực hiện chính sách (đồng)				Lý do quyết định cho nghỉ
							Mức phụ cấp theo mức khoán của Trung ương	Mức phụ cấp do tính hỗ trợ				Tổng cộng thời gian công tác	Tổng thời gian đảm nhận chức danh NHDKCT ở cấp xã	Tổng thời gian công tác có đóng BHXH bắt buộc ở các vị trí việc làm khác (nếu có)		Tổng cộng	Trợ cấp một lần	Trợ cấp cho mỗi năm công tác	Trợ cấp tìm việc làm	
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9	10	11	12	13=14+15	14	15	16	17=18+19+20	18	19	20	21
DANH SÁCH ĐƯỢC PHÊ DUYỆT TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 327/QĐ-UBND NGÀY 01/7/2025																3.827.479.500	2.629.692.000	1.008.247.500	189.540.000	
PHƯỜNG TRÀ CẦU																				
1	Huỳnh Ngọc Sỹ	01/07/1983	Cao đẳng	PCT Hội ND xã, Hội ND xã Phở Thuận	PCT Hội ND xã, Hội ND xã Phở Thuận	2,1	1,5	0,6		17/03/2023	01/7/2025	2 năm 3 tháng	2 năm 3 tháng		20 năm 01 tháng	99.508.500	75.816.000	13.162.500	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp
2	Nguyễn Quốc Văn	06/06/1989	Đại học	Phó Ban tuyên giáo Đảng ủy xã Phở Thuận	Phụ trách Tổ chức - Tuyên giáo - Dân vận Đảng ủy kiêm nhiệm Phó Chủ tịch UBND Đảng ủy xã Phở Thuận, Phó Bí thư Đoàn TNCS HCM xã Phở Thuận	2,34	1,5	0,86		06/9/2016	01/7/2025	8 năm 10 tháng	8 năm 10 tháng		26 năm	226.395.000	168.480.000	47.385.000	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp
3	Trần Thị Nguyệt Hồng	16/8/1971	Trung cấp	PCT Hội LHPN xã, Hội LHPN xã Phở Thuận	PCT Hội LHPN xã, Hội LHPN xã Phở Thuận	1,86	1,5	0,36		29/3/2011	01/7/2025	14 năm 3 tháng	14 năm 3 tháng		4 năm 02 tháng	227.272.500	140.400.000	76.342.500	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp
4	Lê Thanh Hà	20/01/1955	Sơ cấp hoặc chưa qua đào tạo	Cán bộ chuyên trách văn hóa thông tin và kiểm công tác lao động công ích, UBND xã Phở Thuận	Phụ trách Đài truyền thanh - Quản lý nhà văn hóa, UBND xã Phở Thuận	1,5	1,5	0		11/05/1999	01/7/2025	26 năm 02 tháng	26 năm 02 tháng		Đã đủ tuổi nghỉ hưu	52.650.000	52.650.000			Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức vụ, chức danh/đơn vị bắt đầu tham gia công tác	Chức vụ, chức danh/đơn vị hiện đang đảm nhiệm	Mức phụ cấp hiện hưởng (theo NQ 30/2023/NQ-HĐND (lần mức lương cơ sở/người/t háng)	Trong đó		Tiền lương tháng liền kề của chức danh CBCC cấp xã do sắp xếp ĐVHC cấp xã gđ 2023-2025 trước khi được bố trí sang làm NHDK CT ở cấp xã (nếu có)	Thời điểm bắt đầu tham gia công tác	Thời điểm nghỉ hưởng chế độ theo ND 154	Thời gian công tác			Số năm nghỉ trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu	Kinh phí thực hiện chính sách (đồng)				Lý do quyết định cho nghỉ
							Mức phụ cấp theo mức khoán của Trung ương	Mức phụ cấp do tính hỗ trợ				Tổng cộng thời gian công tác	Tổng thời gian đảm nhận chức danh NHDK T ở cấp xã	Tổng thời gian công tác có đóng BHXH bắt buộc ở các vị trí việc làm khác (nếu có)		Tổng cộng	Trợ cấp một lần	Trợ cấp cho mỗi năm công tác	Trợ cấp tìm việc làm	
13	Huỳnh Thị Kim Thủy	25/3/1981	TC Hành chính	Kế hoạch giao thông thủy lợi - nông lâm ngư nghiệp xã Phổ An	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra - Tuyên giáo - Dân vận xã Phổ An	1,86	1,5	0,36		01/7/2006	01/7/2025	18 năm 03 tháng	13 năm 04 tháng	4 năm 9 tháng	15 năm 9 tháng	276.412.500	168.480.000	97.402.500	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp
14	Nguyễn Thị Như Quý	16/8/1996	ĐH, CTXH	Văn hóa, thể dục, thể thao- Công tác xã hội, dân số, bảo vệ trẻ em xã Phổ An	Văn hóa, thể dục, thể thao- Công tác xã hội, dân số, bảo vệ trẻ em xã Phổ An	2,34	1,5	0,84		01/6/2023	01/7/2025	2 năm 1 tháng	2 năm 1 tháng		31 năm 04 tháng	93.892.500	70.200.000	13.162.500	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp
15	Nguyễn Thị Thơ	07/02/1991	CD CTXH	Công An viên Thường trực xã Phổ An	Tổ chức - Văn phòng Đảng ủy xã Phổ An	2,10	1,5	0,60		11/03/2016	01/7/2025	6 năm 10 tháng	6 năm 10 tháng		26 năm 04 tháng	215.865.000	168.480.000	36.855.000	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp
16	Nguyễn Thị Luyến	04/06/1994	TC, NVKDXNK	Xây dựng, đô thị, môi trường, thương mại, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp xã Phổ An	Xây dựng, đô thị, môi trường, thương mại, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp xã Phổ An	1,86	1,5	0,36		07/7/2023	01/7/2025	1 năm 11 tháng	1 năm 11 tháng		29 năm	85.644.000	64.584.000	10.530.000	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp
17	Phan Thanh Ngọc	06/01/1989	ĐH, QTKD	Đài Truyền thanh - Quản lý Nhà văn hóa xã Phổ An	Đài Truyền thanh - Quản lý Nhà văn hóa xã Phổ An	2,34	1,5	0,84		01/11/2022	01/7/2025	2 năm 8 tháng	2 năm 8 tháng		26 năm	116.181.000	89.856.000	15.795.000	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp
18	Dương Thị Ngọc Luyến	10/8/1998	ĐH, QLNN	Phó Bí thư Đoàn Thanh niên phường Nguyễn Nghiêm	Phó Bí thư Đoàn Thanh niên xã Phổ An	2,34	1,5	0,84		12/3/2021	01/7/2025	4 năm 4 tháng	4 năm 4 tháng		33 năm 02 tháng	180.238.500	146.016.000	23.692.500	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp
19	Nguyễn Thị Bích Thảo	16/4/1988	CD, QTVP	Văn thư-Lưu trữ-thủ quỹ xã Phổ An	Văn thư-Lưu trữ-thủ quỹ xã Phổ An	2,10	1,5	0,60		25/8/2011	01/7/2025	13 năm 10 tháng	13 năm 10 tháng		22 năm 10 tháng	252.720.000	168.480.000	73.710.000	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp
20	Nguyễn Thị Lâm	13/7/1989	ĐH, Kế toán	Lao động - Thương binh và xã hội- Dân số - gia đình và trẻ em xã Phổ An	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ xã Phổ An	2,34	1,5	0,84		31/08/2015	01/7/2025	9 năm 10 tháng	9 năm 10 tháng		24 năm 01 tháng	231.660.000	168.480.000	52.650.000	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG TRÀ CẦU



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC
DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ CHI TRẢ CHO NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 154/2025/NĐ-CP NGÀY 15/6/2025 CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2025 - ĐỢT 2
(Kèm theo Công văn số 315 /UBND ngày 08 /9/2025 của Ủy ban nhân dân phường Trà Cầu)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức vụ, chức danh/đơn vị bắt đầu tham gia công tác	Chức vụ, chức danh/đơn vị hiện đang đảm nhiệm	Mức phụ cấp hiện hưởng (theo NQ 30/2023/NQ-HĐND (lần mức lương cơ sở/người/t hàng)	Trong đó		Tiền lương tháng liền kề của chức danh CBCC cấp xã do sắp xếp ĐVHC cấp xã gd 2023-2025 trước khi được bổ trí sang làm NHĐK CT ở cấp xã (nếu có)	Thời điểm bắt đầu tham gia công tác	Thời điểm nghỉ hưởng chế độ theo NĐ 154	Thời gian công tác			Số năm nghỉ trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu	Kinh phí thực hiện chính sách (đồng)				Lý do quyết định cho nghỉ
							Mức phụ cấp theo mức khoán của Trung ương	Mức phụ cấp do tính hỗ trợ				Tổng cộng thời gian công tác	Tổng thời gian đảm nhận chức danh NHĐK T ở cấp xã	Tổng thời gian công tác có đóng BHXH bắt buộc ở các vị trí việc làm khác (nếu có)		Tổng cộng	Trợ cấp một lần	Trợ cấp cho mỗi năm công tác	Trợ cấp tìm việc làm	
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9	10	11	12	13=14+15	14	15	16	17=18+19+20	18	19	20	21
DANH SÁCH ĐƯỢC PHÊ DUYỆT TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 531/QĐ-UBND NGÀY 01/8/2025																				
PHƯỜNG TRÀ CẦU																255.352.500	168.480.000	76.342.500	10.530.000	
1	Trần Xuân Thủy	20/02/1983	Đại học	Phó trưởng Công an xã	Người hoạt động không chuyên trách hỗ trợ Khối MTTQVN phường Trà Cầu	2,34	1,5	0,84		14/01/2011	01/8/2025	14 năm 02 tháng	14 năm 01 tháng	01 tháng	19 năm 7 tháng	255.352.500	168.480.000	76.342.500	10.530.000	Nghỉ do dời dư khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp